

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 03-5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tú
2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Võ Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đồi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST, ngày 02/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST, ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thanh Minh N (N)**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 56, Tổ 67, Khóm M, phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà **Phạm Diễm T**, sinh năm 1980. (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/5/2017).

Địa chỉ: Tổ 91, Khóm 87, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn:

1. Bà **Bạch Thị M**, sinh năm 1960. Vắng mặt.
2. Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1959 (chồng bà M). Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 521, Tổ 315, Khóm A, phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 457, Khóm 673, phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Nguyễn Thanh Minh N có bà Phạm Diễm T đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Bà N và bà M là chỗ quen biết làm ăn với nhau, bà N có cho bà M mượn tiền rất nhiều lần, nhưng đến ngày 03/9/2016 thì bà thấy bà M cứ mượn hoài mà không trả nên bà kêu bà M viết giấy tay nhận nợ thiếu bà tổng cộng số tiền 274.000.000 đồng, giấy tay này do bà M tự viết và ký tên. Số tiền này bà N cho bà M chia nhỏ ra trả góp nhiều lần, mỗi lần là 70.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng, góp hết 70.000.000 đồng này thì góp tiếp 70.000.000 đồng khác, cho đến khi trả hết nợ. Nhưng từ khi viết giấy nợ cho đến nay thì bà M chưa góp được cho bà N ngày nào, bà N có đến nhà bà M đòi nhiều lần nhưng bà M không trả. Do số tiền bà M mượn của bà N là để lo kinh tế gia đình, nên bà N yêu cầu bà Bạch Thị M cùng chồng là ông Nguyễn Văn Phẩm phải trả liên đới cho bà số tiền 274.000.000 đồng và lãi suất là 1%/tháng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến ngày bà M trả dứt nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn Bạch Thị M trình bày: Biên nhận ngày 03/9/2016 là do bà viết nhưng bà không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Trong những lần mượn nợ của bà N thì bà không trực tiếp đi mượn, bà nhờ bà Bích N đi mượn dùm, khi bà N mượn về bà N có lần bà N đưa trực tiếp cho bà hoặc có lần bà N đi mua đồ làm đám luôn cho bà (vì bà là thợ nấu đám). Bà có viết Biên nhận nợ với số tiền 175.000.000 đồng để thay thế cho Biên nhận nợ với số tiền 274.000.000 đồng ngày 03/9/2016 và bà đã kêu bà N xé bỏ Biên nhận ngày 03/9/2016 rồi, nhưng bà N không xé. Bà chỉ đồng ý trả số tiền 175.000.000 đồng thôi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Bích N trình bày: Bà có mượn tiền của bà N thay cho bà M nhiều lần, tổng cộng mượn 85.000.000

đồng, khi nhận tiền từ N về bà đưa tiền cho bà M Ny trong ngày. Còn Biên nhận nợ ngày 03/9/2016 với số tiền 274.000.000 đồng, trong đó có tiền lãi 40.000.000 đồng của số nợ 85.000.000 đồng (trước ngày 15/8/2016AL), cộng thêm 38.000.000 đồng tiền lãi trên số nợ 85.000.000 đồng, từ thời gian ngày 15/8/2016AL đến 30 tết năm 2017, 12.000.000 đồng tiền góp, 45.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hồng Nhung mượn của bà N, 54.000.000 đồng tiền đám cưới con ông Tùng (bà và bà M cùng đi lấy số tiền bốn mươi mấy triệu từ bà N). Còn Biên nhận ngày 03/9/2016 viết tại nhà bà N, bà có kêu xé bỏ nhưng bà N không xé, sau đó có viết Biên nhận với số tiền 175.000.000 đồng là sau khi trừ tiền đám cưới con ông Tùng và tiền của bà Nhung Gà ra.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện ủy quyền của Nguyên đơn là bà Phạm Diễm T trình bày:
Bà Bạch Thị M có mượn của bà N nhiều lần, với tổng số tiền là 274.000.000 đồng, bà M có viết Biên nhận ngày 03/9/2016, do bà M mượn tiền để lo kinh tế gia đình nên bà N yêu cầu bà M cùng chồng là ông Phạm phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền này cho bà. Đồng thời, bà xin rút yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng từ lúc mượn nợ cho đến khi xét xử sơ thẩm, nhưng đến khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi bà N có đơn yêu cầu thi hành án thì bà N yêu cầu được tiếp tục tính tiền lãi suất chậm trả.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Minh N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà T.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà N về việc buộc bà M và ông Phạm liên đới trả bà số tiền 274.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 03/6/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở để chấp nhận vì theo lời khai của bà M thì bà cũng thừa nhận có viết biên nhận nợ ngày 03/9/2016.

Xét lời khai của bà M bà có nhờ bà N đi mượn tiền từ bà N về bà N đưa cho bà trong ngày và bà có ký nhận nợ 175.000.000 đồng, còn biên nhận nợ 274.000.000 đồng ngày 03/9/2016 bà đã kêu bà N xé bỏ nhưng bà N không xé. Qua yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án thì bà M cũng không cung cấp được biên nhận nợ số tiền 175.000.000 đồng. Do đó, không có chứng cứ chấp nhận bà

M nợ bà N 175.000.000 đồng mà buộc bà M trả cho bà N 274.000.000 đồng theo biên nhận ngày 03/9/2016 là có cơ sở.

Tại phiên tòa, bà N rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 274.000.000 đồng từ ngày 03/9/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm, bà N yêu cầu được tiếp tục tính lãi khi có đơn yêu cầu thi hành án. Do đó, việc bà N rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 274.000.000 đồng nên đình chỉ yêu cầu này.

Cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng như sau:

- Áp dụng các Điều 147, 217, 228, 262 của Bộ luật tố tụng dân sự,
- Áp dụng các Điều 117, 398, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà M phải liên đới với ông Phạm trả cho bà N số tiền 274.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 274.000.000 đồng từ ngày 03/9/2016 đến khi xét xử sơ thẩm, bà N yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 274.000.000 đồng khi bà có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí, buộc bà Bạch Thị M cùng ông Nguyễn Văn Phạm liên đới nộp số tiền 13.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Bị đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Văn Phạm và Nguyễn Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần và đã tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập, nhưng ông Phạm không có ý kiến gì, nên việc vắng mặt của bà M, ông Phạm và bà N là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các Biên bản hòa giải ngày 21/7/2017, 30/8/2017 bà Bạch Thị M đều thừa nhận là bà có viết Biên nhận nợ ngày 03/9/2016 với số tiền 274.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 30/8/2017 bà M và bà Bích N còn trình bày, bà còn viết thêm một biên nhận nợ với số tiền là 175.000.000 đồng thay thế cho Biên nhận ngày 03/9/2016 sau khi trừ tiền đám cưới con ông Tùng và tiền của bà Nhung (Nhung Gà) ra rồi, nên Tòa án đã ra 02 Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ số 1741, ngày 11/9/2017 và Thông báo số 2003, ngày 21/11/2017 để yêu cầu bà M cung cấp họ tên, địa chỉ cụ thể của ông Tùng và bà Nhung nhưng bà M vẫn không có văn bản nào cung cấp cho Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành đối chất, lấy lời khai của những người này được, nên căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà M không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Vì vậy, xét lời trình bày này của bà Bạch Thị M và bà Nguyễn Thị Bích N là không có căn cứ để xem xét. Hơn nữa, bà M cũng không có căn cứ nào thể hiện bà có viết biên nhận nợ với số tiền 175.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà M còn khai nhận, số tiền bà mượn của bà N là sử dụng vào mục đích kinh tế gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết tất cả các văn bản tố tụng nêu trên, nhưng ông Phạm vẫn không có ý kiến gì và không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa. Tại Biên bản ngày 09/3/2018 xác định ông Nguyễn Văn Phạm và bà Bạch Thị M là vợ chồng cùng sinh sống tại địa chỉ số 11/21, Tổ 15, Khóm 1, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, nên việc bà N yêu cầu ông Phạm cùng liên đới với bà M trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Minh N là có căn cứ để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu tính lãi kể từ ngày 03/9/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi bà M, ông Phạm trả dứt nợ, với mức lãi suất là 1%/tháng, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà N xin rút lại yêu cầu tính lãi suất cho đến khi xét xử sơ thẩm, nhưng bà yêu cầu tiếp tục được tính lãi suất khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này của bà N là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà N.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Bạch Thị M và ông Nguyễn Văn Phẩm phải liên đới nộp 13.700.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh Minh N số tiền tạm ứng án phí 7.466.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 117, 288, 398, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Minh N .

Buộc bà Bạch Thị M và ông Nguyễn Văn Phẩm phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thanh Minh N số tiền 274.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thanh Minh N về việc tính lãi suất trên số tiền 274.000.000 đồng kể từ ngày 03/9/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bà N được yêu cầu tính lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Bạch Thị M và ông Nguyễn Văn Phẩm phải liên đới nộp 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh Minh N số tiền tạm ứng án phí 7.466.000 đồng (bảy triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008687, ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01;
- VKS tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Toàn